

Số/N^o: 012973/VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Sample code: 12052.25



Tên khách hàng/ Client : CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN / SAIGON
PURE WATER LIMITED LIABILITY COMPANY (SAPUWA LLC)
Địa chỉ/ Address : 683 QUANG TRUNG, PHƯỜNG 11, QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ
CHÍ MINH, VIỆT NAM / 683 QUANG TRUNG, WARD 11, GO VAP
DISTRICT, HO CHI MINH CITY, VIETNAM
Tên mẫu/ Name of sample: NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI (NSX: 07/05/2025) / BOTTLED DRINKING
WATER (MFG: 07/05/2025)
Ngày lấy mẫu/ Taking sample date : 16/05/2025
Lượng mẫu/ Quantity of sample : 01 chai/bottle x 500 ml
Ngày nhận mẫu/ Receiving sample date : 16/05/2025
Người gửi mẫu/ Sender : Nguyễn Thị Hà / Ha Nguyen Thi
Người nhận mẫu/ Recipient : Dương Nữ Thanh Vân / Van Duong Nu Thanh
Thời gian thử nghiệm/ Testing period : 16/05/2025-23/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM / TEST RESULT

Stt N ^o	Chỉ tiêu Test Item(s)	Phương pháp Method	Kết quả Result(s)	Đơn vị Unit
1	Natri (Na) Sodium	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	46.77	mg/l

Ghi chú/ Notice :

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm. / This test report is valid for the tested sample only.
- Mẫu đựng trong bao bì kín, còn nguyên bao bì của nhà sản xuất, HSD: 2 năm kể từ ngày sản xuất. / The sample is contained in a sealed bottle, with original packaging of the manufacturer, EXP: 2 years from date of manufacture.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 / The testing is accredited comply with the international standard ISO/IEC 17025:2017.
- Phiếu kết quả kiểm nghiệm này thay thế phiếu kết quả tiếng Anh ban hành ngày 28/05/2025 của mẫu 12052.25 / This test report replaces the test report supplement the information in English signed on 28/05/2025 of Sample code 12052.25.

Ho Chi Minh City... 05 -06- 2025

TU. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN
ON BEHALF OF THE DIRECTOR
DIRECTOR OF THE SOUTHERN REGIONAL
TESTING CENTER FOR FOOD SAFETY



TS. Nguyễn Đức Thịnh



Số/Nº: 012974 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT
Sample code: 12049.25



Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN
SAIGON PURE WATER LIMITED LIABILITY COMPANY (SAPUWA LLC)
Địa chỉ/ Address : 683 QUANG TRUNG, PHƯỜNG 11, QUẬN GÒ VẤP, TP.HCM, VIỆT NAM
683 QUANG TRUNG STREET, WARD 11, GO VAP DISTRICT, HCM CITY, VIET NAM
Tên mẫu/ Sample : NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI (NSX: 07/05/2025)
BOTTLED DRINKING WATER (MFG: 07/05/2025)
Ngày lấy mẫu/ Date of sample collecting : 16/05/2025/ May 16th, 2025
Lượng mẫu/ Quantity of sample : 03 chai x 500 ml/ 03 bottles x 500 ml
Ngày nhận mẫu/ Date of sample receiving : 16/05/2025/ May 16th, 2025
Người gửi mẫu/ Sample sender : Nguyễn Thị Hà/ Ha Nguyen Thi
Người nhận mẫu/ Sample receiver : Dương Nữ Thanh Vân/ Van Duong Nu Thanh
Thời gian thử nghiệm/ Testing period : 16/05/2025 - 22/05/2025/ May 16th, 2025 - May 22nd, 2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM/ TEST RESULT

Stt Nº	Chỉ tiêu Test Item	Phương pháp Method	Tiêu chuẩn Standard	Kết quả Result	Đơn vị Unit
1	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a) (b)	0	0	CFU/250 ml
2	<i>Streptococci feacal</i>	TCVN 6189-2:2009 (ISO 7899-2:2000 (E)) (a) (b)	0	0	CFU/250 ml
3	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfite The spores of sulfite - reducing anaerobes (Clostridia)	TCVN 6191-2:1996 (ISO 6461-2:1986 (E)) (a) (b)	0	0	CFU/50 ml
4	<i>Escherichia coli</i>	TCVN 6187-1:2019 (a) (b)	0	0	CFU/250 ml
5	Coliforms tổng số Total Coliforms	TCVN 6187-1:2019 (a) (b)	0	0	CFU/250 ml

Sample code: 12049.25

Ghi chú/ Note:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm/ *This test result is valid for this sample.*
- Mẫu đựng trong bao bì kín, còn nguyên vẹn bao bì của nhà sản xuất, HSD: 2 năm kể từ ngày sản xuất.
Sample was stored in plastic bottle, intact manufacturer's packaging, EXP: 2 years from date of manufacture.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017/ *(a) The testing is accredited according to ISO/IEC 17025:2017.*
- (b) Phép thử được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
(b) The testing is appointed by Ministry of Health according to circular 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- Phiếu kết quả này thay thế cho phiếu kết quả tiếng Anh ban hành ngày 28/05/2025 của mẫu 12049.25.
- *This test report replaces the test report supplement the information in English signed in May 28th, 2025 of Sample code 12049.25.*

Nhận xét/ Conclusion:

Mẫu NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI (NSX: 07/05/2025) có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước uống đóng chai QCVN 6-1:2010/BYT do Bộ Y tế ban hành.

This sample had parameters which met requirements of the National technical regulation for bottled drinking waters QCVN 6-1:2010/BYT, Ministry of Health.

05-06-2025

Ho Chi Minh City,

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

AUTHORIZED DIRECTOR

HEAD OF TESTING DEPARTMENT



TS. Lê Thị Ngọc Hạnh



Số/Nº: /VYTCC

012975

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT
Sample code: 12050.25



Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN
SAIGON PURE WATER LIMITED LIABILITY COMPANY (SAPUWA LLC)
Địa chỉ/ Address : 683 QUANG TRUNG, PHƯỜNG 11, QUẬN GÒ VẤP, TP.HCM, VIỆT NAM
683 QUANG TRUNG STREET, WARD 11, GO VAP DISTRICT, HCM CITY, VIET NAM
Tên mẫu/ Sample : NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI (NSX: 07/05/2025)
BOTTLED DRINKING WATER (MFG: 07/05/2025)
Ngày lấy mẫu/ Date of sample collecting : 16/05/2025/ May 16th, 2025
Lượng mẫu/ Quantity of sample : 10 chai x 500 ml/ 10 bottles x 500 ml
Ngày nhận mẫu/ Date of sample receiving : 16/05/2025/ May 16th, 2025
Người gửi mẫu/ Sample sender : Nguyễn Thị Hà/ Ha Nguyen Thi
Người nhận mẫu/ Sample receiver : Dương Nữ Thanh Vân/ Van Duong Nu Thanh
Thời gian thử nghiệm/ Testing period : 16/05/2025 - 26/05/2025/ May 16th, 2025 - May 26th, 2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM/ TEST RESULT

Stt Nº	Chỉ tiêu Test Item	Phương pháp Method	Tiêu chuẩn Standard	Kết quả Result	Đơn vị Unit
1	Stibi (Sb) Stibium	HD.PP.21/TT.AAS (Ref. SMEWW 3125B-2023) (a) (b)	≤ 0.02	0.0005	mg/l
2	Arsen (As) tổng Arsenic	HD.PP.21/TT.AAS (Ref. SMEWW 3125B-2023) (a) (b)	≤ 0.01	Không phát hiện Not detected LOD = 0.0003	mg/l
3	Bari (Ba) Barium	HD.PP.21/TT.AAS (Ref. SMEWW 3125B-2023) (a) (b)	≤ 0.7	Không phát hiện Not detected LOD = 0.02	mg/l
4	Bor (bao gồm Borat và Axit boric) Boron (Borate & Boric Acid)	HD.PP.21/TT.AAS (Ref. SMEWW 3125B-2023) (a) (b)	≤ 0.5	< 0.05	mg/l
5	Bromat Bromate	Method 300.1, EPA: 1999 (a) (b)	≤ 0.01	Không phát hiện Not detected LOD = 0.003	mg/l
6	Cadimi (Cd) Cadmium	SMEWW 3125 B - 2023 (a) (b)	≤ 0.003	Không phát hiện Not detected LOD = 0.0003	mg/l
7	Clor Chlorine	SMEWW 4500 Cl F: 2023 (a) (b)	≤ 5	Không phát hiện Not detected LOD = 0.05	mg/l

Sample code: 12050.25

Chú ý/Note:
- Kết quả này chỉ có giá trị
- Mẫu định trong bao bì
- (a)

Stt Nº	Chỉ tiêu Test Item	Phương pháp Method	Tiêu chuẩn Standard	Kết quả Result	Đơn vị Unit
8	8 Clorat Chlorate	Method 300.1, EPA: 1999 (a) (b)	≤ 0.7	Không phát hiện Not detected LOD = 0.007	mg/l
	9 Clorit Chlorite	Method 300.1, EPA: 1999 (a) (b)	≤ 0.7	Không phát hiện Not detected LOD = 0.007	mg/l
	10 Crom tổng (Cr) Total Chromium	SMEWW 3120 B - 2023 (a) (b)	≤ 0.05	Không phát hiện Not detected LOD = 0.010	mg/l
9	11 Đồng (Cu) Copper	SMEWW 3120 B - 2023 (a) (b)	≤ 2	Không phát hiện Not detected LOD = 0.020	mg/l
10	12 Cyanua (CN ⁻) Cyanide	SMEWW 4500 CN C&E: 2023 (a)	≤ 0.07	Không phát hiện Not detected LOD = 0.003	mg/l
11	13 Fluorid (F ⁻) Fluoride	Method 300.1, EPA: 1999 (a) (b)	≤ 1.5	Không phát hiện Not detected LOD = 0.05	mg/l
12	14 Chì (Pb) Lead	SMEWW 3125 B - 2023 (a) (b)	≤ 0.01	Không phát hiện Not detected LOD = 0.0003	mg/l
13	15 Mangan (Mn) Manganese	SMEWW 3120 B - 2023 (a) (b)	≤ 0.4	Không phát hiện Not detected LOD = 0.020	mg/l
	16 Thủy ngân (Hg) Mercury	HD.PP.21/TT.AAS (Ref. SMEWW 3125B-2023) (a) (b)	≤ 0.006	Không phát hiện Not detected LOD = 0.00008	mg/l
	17 Molybden (Mo) Molybdenum	HD.PP.21/TT.AAS (Ref. SMEWW 3125B-2023) (a) (b)	≤ 0.07	Không phát hiện Not detected LOD = 0.01	mg/l
14	18 Nickel (Ni) Nickel	HD.PP.21/TT.AAS (Ref. SMEWW 3125B-2023) (a) (b)	≤ 0.07	Không phát hiện Not detected LOD = 0.004	mg/l
	19 Nitrate (NO ₃ ⁻) Nitrate	Method 300.1, EPA: 1999 (a) (b)	≤ 50	1.52	mg/l
15	20 Nitrite (NO ₂ ⁻) Nitrite	Method 300.1, EPA: 1999 (a) (b)	≤ 3	Không phát hiện Not detected LOD = 0.05	mg/l
16	21 Selen (Se) Selenium	HD.PP.21/TT.AAS (Ref. SMEWW 3125B-2023) (a) (b)	≤ 0.01	Không phát hiện Not detected LOD = 0.0003	mg/l
17	22 Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha) Radioactivity alpha	ISO 10704:2019 (a) (b)	≤ 0.5	Không phát hiện Not detected LOD = 0.025	Bq/l
18	23 Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta) Radioactivity beta	ISO 10704:2019 (a) (b)	≤ 1	Không phát hiện Not detected LOD = 0.050	Bq/l

Sample code: 12050.25

hi chú/ Note:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm/ *This test result is valid for this sample.*
- Mẫu đựng trong bao bì kín, còn nguyên vẹn bao bì của nhà sản xuất, HSD: 2 năm kể từ ngày sản xuất.
Sample was stored in plastic bottle, intact manufacturer's packaging, EXP: 2 years from date of manufacture.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017/ (a) *The testing is accredited according to ISO/IEC 17025:2017.*
- (b) Phép thử được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
(b) The testing is appointed by Ministry of Health according to circular 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Limit of detection.
- Phiếu kết quả này thay thế cho phiếu kết quả tiếng Anh ban hành ngày 28/05/2025 của mẫu 12050.25.
- This test report replaces the test report supplement the information in English signed in May 28th, 2025 of Sample code 12050.25.

Nhận xét/ Conclusion:

Mẫu NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI (NSX: 07/05/2025) có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước uống đóng chai QCVN 6-1:2010/BYT do Bộ Y tế ban hành.

This sample had parameters which met requirements of the National technical regulation for bottled drinking waters QCVN 6-1:2010/BYT, Ministry of Health.

05-06-2025

Ho Chi Minh City,

TU. VIỆN TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

AUTHORIZED DIRECTOR

HEAD OF TESTING DEPARTMENT



TS. Lê Thị Ngọc Hạnh





Số/Nº: 012976 /VYTCC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT
Sample code: 12051.25

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN
SAIGON PURE WATER LIMITED LIABILITY COMPANY (SAPUWA LLC)
Địa chỉ/ Address : 683 QUANG TRUNG, PHƯỜNG 11, QUẬN GÒ VẤP, TP.HCM, VIỆT NAM
683 QUANG TRUNG STREET, WARD 11, GO VAP DISTRICT, HCM CITY, VIET NAM
Tên mẫu/ Sample : NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI (NSX: 07/05/2025)
BOTTLED DRINKING WATER (MFG: 07/05/2025)
Ngày lấy mẫu/ Date of sample collecting : 16/05/2025/ May 16th, 2025
Lượng mẫu/ Quantity of sample : 01 chai x 500 ml/ 01 bottle x 500 ml
Ngày nhận mẫu/ Date of sample receiving : 16/05/2025/ May 16th, 2025
Người gửi mẫu/ Sample sender : Nguyễn Thị Hà/ Ha Nguyen Thi
Người nhận mẫu/ Sample receiver : Dương Nữ Thanh Vân/ Van Duong Nu Thanh
Thời gian thử nghiệm/ Testing period : 16/05/2025 - 26/05/2025/ May 16th, 2025 - May 26th, 2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM/ TEST RESULT

Stt Nº	Chỉ tiêu Test Item	Phương pháp Method	Kết quả Result	Đơn vị Unit
1	pH	TCVN 6492:2011	6.91	/

Ghi chú/ Note:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm/ This test result is valid for this sample.
- Mẫu đựng trong bao bì kín, còn nguyên vẹn bao bì của nhà sản xuất, HSD: 2 năm kể từ ngày sản xuất.
Sample was stored in plastic bottle, intact manufacturer's packaging, EXP: 2 years from date of manufacture.
- Phiếu kết quả này thay thế cho phiếu kết quả tiếng Anh ban hành ngày 28/05/2025 của mẫu 12051.25.
- This test report replaces the test report supplement the information in English signed in May 28th, 2025 of Sample code 12051.25.

05-06-2025

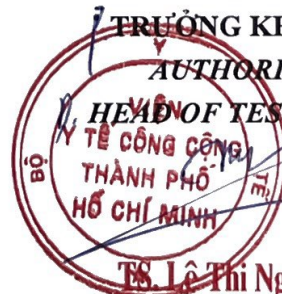
Ho Chi Minh City,

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

AUTHORIZED DIRECTOR

HEAD OF TESTING DEPARTMENT



TS. Lê Thị Ngọc Hạnh



Số/Nº: 012977 /VYTCC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT
Sample code: 12053.25

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN
SAIGON PURE WATER LIMITED LIABILITY COMPANY (SAPUWA LLC)
Địa chỉ/ Address : 683 QUANG TRUNG, PHƯỜNG 11, QUẬN GÒ VẤP, TP.HCM, VIỆT NAM
683 QUANG TRUNG STREET, WARD 11, GO VAP DISTRICT, HCM CITY, VIET NAM
Tên mẫu/ Sample : NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI (NSX: 07/05/2025)
BOTTLED DRINKING WATER (MFG: 07/05/2025)
Ngày lấy mẫu/ Date of sample collecting : 16/05/2025/ May 16th, 2025
Lượng mẫu/ Quantity of sample : 02 chai x 500 ml/ 02 bottles x 500 ml
Ngày nhận mẫu/ Date of sample receiving : 16/05/2025/ May 16th, 2025
Người gửi mẫu/ Sample sender : Nguyễn Thị Hà/ Ha Nguyen Thi
Người nhận mẫu/ Sample receiver : Dương Nữ Thanh Vân/ Van Duong Nu Thanh
Thời gian thử nghiệm/ Testing period : 16/05/2025 - 26/05/2025/ May 16th, 2025 - May 26th, 2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM/ TEST RESULT

Stt Nº	Chỉ tiêu Test Item	Phương pháp Method	Kết quả Result	Đơn vị Unit
1	Ngoại quan Appearance	SMEWW 2110 - 2023	Chất lỏng đồng nhất, trong suốt, không có tạp chất Homogeneous, transparent liquid, free of impurities	/
2	Mùi Odour	SMEWW 2150 B - 2023	Không có mùi lạ No strange odour	/
3	Màu sắc Colour	SMEWW 2120 C: 2023	< 5	TCU
4	Vị Taste	HD.PP.32/KXN.LH:2023	Không có vị lạ No strange taste	/

Sample code: 12053.25

Ghi chú/ Note:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm/ *This test result is valid for this sample.*
- Mẫu đựng trong bao bì kín, còn nguyên vẹn bao bì của nhà sản xuất, HSD: 2 năm kể từ ngày sản xuất.
Sample was stored in plastic bottle, intact manufacturer's packaging, EXP: 2 years from date of manufacture.
- Phiếu kết quả này thay thế cho phiếu kết quả tiếng Anh ban hành ngày 28/05/2025 của mẫu 12053.25.
- *This test report replaces the test report supplement the information in English signed in May 28th, 2025 of Sample code 12053.25.*

Hồ Chí Minh City, **05-06-2025**

TU. VIỆN TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

AUTHORIZED DIRECTOR

HEAD OF TESTING DEPARTMENT



★ **TS. Lê Thị Ngọc Hạnh**

2: 19-21

BỘ Y TẾ
MINISTRY OF HEALTH
VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
INSTITUTE OF PUBLIC HEALTH
IN HO CHI MINH CITY



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số/Nº 0 3 3 2 2 1 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM TEST REPORT

Sample code: 31020.25



Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN

SAIGON PURE WATER LIMITED LIABILITY COMPANY (SAPUWA LLC)

Địa chỉ/ Address : 683 QUANG TRUNG, PHƯỜNG THÔNG TÂY HỘI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
683 QUANG TRUNG, WARD THONG TAY HOI, HO CHI MINH CITY

Tên mẫu/ Sample : NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI (BOTTLED DRINKING WATER)

Ngày lấy mẫu/ Date of sample collecting : 17/09/2025/ September 17th, 2025

Lượng mẫu/ Quantity of sample : 01 bình x 18,9 lít/ 01 bottle x 18.9 liters

Ngày nhận mẫu/ Date of sample receiving : 18/09/2025/ September 18th, 2025

Người gửi mẫu/ Sample sender : Nguyễn Thị Hà/ Ha Nguyen Thi

Người nhận mẫu/ Sample receiver : Dương Nữ Thanh Vân/ Van Duong Nu Thanh

Thời gian thử nghiệm/ Testing period : 18/09/2025 - 13/10/2025/ September 18th, 2025 - October 13th, 2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM/ TEST RESULT

Stt Nº	Chỉ tiêu Test Item	Phương pháp Method	Kết quả Result	Đơn vị Unit
1	Toxaphene Toxaphene	SMEWW 6630 B - 2023	Không phát hiện Not detected LOD = 0.0003	mg/l
2	Hoạt độ phóng xạ U-235 Radioactivity U-235	WEAC.RN.Method.3.0-Version 9.1 (a)	Không phát hiện Not detected LOD = 0.06	Bq/l
3	Hoạt độ phóng xạ U-238 Radioactivity U-238	WEAC.RN.Method.3.0-Version 9.1 (a)	Không phát hiện Not detected LOD = 0.16	Bq/l
4	Hoạt độ phóng xạ Ra-226 Radioactivity Ra-226	HD.PP.02-5/KXN.VL (Ref. SMEWW 7500-Ra E HPGe-GEM 50)	Không phát hiện Not detected LOD = 0.017	Bq/l
5	Hoạt độ phóng xạ Ra-228 Radioactivity Ra-228	HD.PP.02-5/KXN.VL (Ref. SMEWW 7500-Ra E HPGe-GEM 50)	Không phát hiện Not detected LOD = 0.017	Bq/l

Sample code: 31020.25

Ghi chú/ Note:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm/ *This test result is valid for this sample.*
- Mẫu còn nguyên vẹn bao bì của nhà sản xuất. Thông tin mẫu do khách hàng cung cấp. NSX: 170925/B, HSD: 02 năm kể từ Ngày sản xuất.
Sample was stored in plastic bottle. Information was provided by the customer. MFG: 170925/B, EXP: 02 years from the date of manufacture.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
(a) The testing is accredited according to ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ *Limit of detection.*

Ho Chi Minh City, **14-10-2025**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

AUTHORIZED DIRECTOR

HEAD OF TESTING DEPARTMENT



ThS. Nguyễn Quốc Tuấn



Report N°: 0001107070

Page N° 1/4

Ho Chi Minh City, Date: September 25, 2025

TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 25/09/2025

ANALYSIS REPORT

BÁO CÁO PHÂN TÍCH

JOB NO.: 2509A-3635

Đơn hàng: 2509A-3635

CLIENT'S NAME : SAIGON PURE WATER LIMITED LIABILITY COMPANY
 Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN

CLIENT'S ADDRESS : 683 QUANG TRUNG, THONG TAY HOI WARD, HO CHI MINH CITY, VIETNAM
 Địa chỉ : 683 QUANG TRUNG, PHƯỜNG THÔNG TÂY HỘI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

SAMPLE INFORMATION:

THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by : Client
 Được lấy/ gửi bởi : Khách hàng

Client's reference : Nước Uống Đóng Chai (Bottled Drinking Water)
 Chú thích của khách hàng :

The above information is submitted and identified by the client/applicant.

Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description : Water (approx. gr. wt. 1.5kg) in the full labeled plastic container
 Mô tả mẫu : Nước (khoảng 1.5kg bao gồm bao bì) chứa trong vật chứa bằng nhựa nhãn mác đầy đủ

Sample ID : 2509A-3635.002
 Mã số mẫu :

Date sample(s) received : September 18, 2025
 Ngày nhận mẫu : 18/09/2025

Testing period : September 18, 2025 - September 24, 2025
 Thời gian thử nghiệm : 18/09/2025 - 24/09/2025

Test(s) requested : As applicant's requirement
 Yêu cầu thử nghiệm : Theo yêu cầu của khách hàng

Test result(s) : Please refer to the next page(s)
 Kết quả kiểm nghiệm : Vui lòng tham khảo trang sau

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
 Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0001107070

Page N° 2/4

TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
1. Dinoseb (sum of dinoseb, its salts, dinoseb-acetate and binapacryl, expressed as dinoseb) <i>Dinoseb (tổng của dinoseb, muối của nó, dinoseb-acetate và binapacryl, được biểu thị dưới dạng dinoseb)</i>	LFOD-TST-SOP-8498	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.003	0.01	µg/L	
2. Dalapon <i>Dalapon</i>	LFOD-TST-SOP-8498	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.03	0.1	µg/L	
3. Picloram <i>Picloram</i>	LFOD-TST-SOP-8498	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.03	0.1	µg/L	
4. Diquat <i>Diquat</i>	LFOD-TST-SOP-8608	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.03	0.1	µg/L	
5. Glyphosate <i>Glyphosate</i>	ISO 16308:2014	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.1	0.3	µg/L	

Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOSC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).
Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOSC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao ().*
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.
*Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.*
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.
- The above mentioned analytes were tested according to the client's requirements for internal reference and were not intended for environmental control purpose required by The Ministry of Agriculture and Environment.
Các chỉ tiêu phân tích nêu trên được kiểm nghiệm theo yêu cầu của khách hàng để tham khảo nội bộ và không nhằm mục đích kiểm soát môi trường theo yêu cầu của Bộ Nông Nghiệp và Môi trường.
- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.
LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

LFOD-QAM-F-2010-1 - 01 Jul, 2025

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained herein reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0001107070

Page N° 3/4

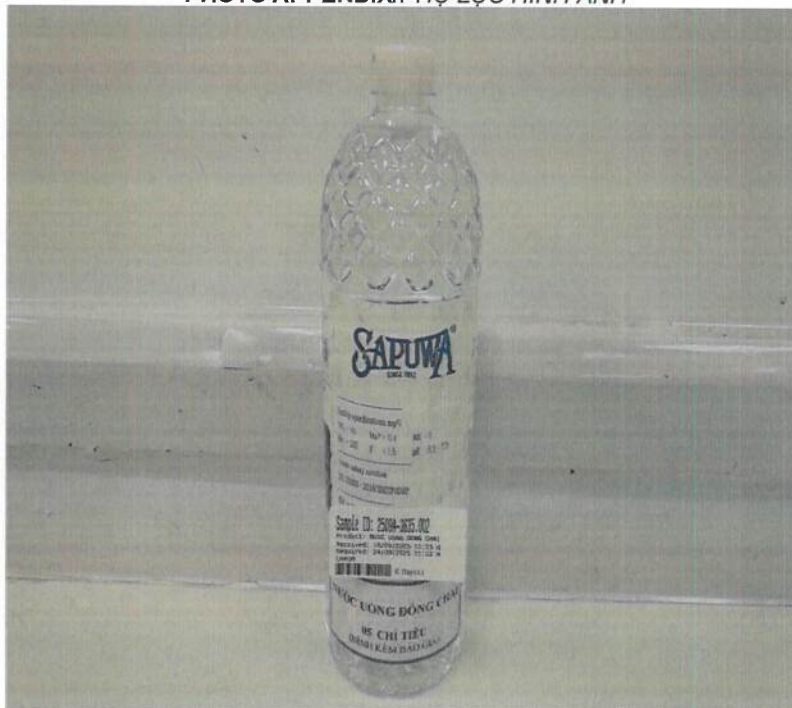
reported as <LOQ. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100 mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/diện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kỳ phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.

_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

PHOTO APPENDIX PHỤ LỤC HÌNH ẢNH



SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0001107070

Page N° 4/4

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

*** END OF THE REPORT ***

Your feedback helps us improve our service.
Please scan and rate us here



[Customer's feedback - Food Lab](#)

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD.
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam TNHH



Nguyễn Thị Loan Phương
Trưởng phòng Thử nghiệm Hóa Ướt



SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service
<http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations
of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of
this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings
at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The
Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties
to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction
documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or
appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest
extent of the law.

④ 27 -> 68



ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3



Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon Ward, HCMC, Vietnam - Tel (84-28) 3829 4274 - Fax (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: 0 No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam 0 C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Cat Lai Ward, HCMC, Vietnam 0 64 Le Hong Phong, Cho Quan Ward, HCMC, Vietnam

KT3-
06425AMT5/1/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

21/10/2025
Trang/ Page 01 / 06

- Tên mẫu
Name of sample : NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI
(BOTTLED DRINKING WATER)
Thời gian lấy mẫu/ Sampling date: 17/09/2025
- Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng;
Form: the liquid;
- Số đơn vị/mẫu: 18,9 L x 01 + 1,5 L x 01;
Unit/sample: 18,9 L x 01 + 1,5 L x 01;
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, chai nhựa;
Container: plastic bottle, plastic bottle;
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 18/09/2025
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 18/09/2025 – 03/10/2025
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN
SAIGON PURE WATER LIMITED LIABILITY COMPANY
683 QUANG TRUNG, PHƯỜNG THÔNG TÂY HỘI, TP. HỒ CHÍ MINH
- Kết quả thử nghiệm
Testing results : Xem trang tiếp theo / See next page

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL TESTING LAB

Nguyễn Hoàng Linh

TL. GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB



Ngô Quốc Việt

1 Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only; and this is not a certificate of product
2 Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu / Name of sample(s) and customer are written as customer's request
3 Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level
4 Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3
5 Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6 Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BuA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-
06425AMT5/1/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

21/10/2025
 Trang/ Page 02 / 06

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
27	7.1 Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5
28	7.2 Hàm lượng antimon (Sb) Antimony content	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH	0,003
29	7.3 Hàm lượng crôm (Cr) Chromium content	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH	0,003
30	7.4 Hàm lượng pentachlorophenol Pentachlorophenol content	µg/L	QTTN/KT3 174 (US EPA Method 8321B)	KPH	5
31	7.5 Hàm lượng acrylamide Acrylamide content	µg/L	QUATEST3 1224: 2024	KPH	0,1
32	7.6 Hàm lượng epiclohydrin Epiclohydrin content	µg/L	US EPA Method 8260D	KPH	0,15
33	7.7 Hàm lượng 2,4-D 2,4-D content	µg/L	US EPA Method 8321B	KPH	1,0
34	7.8 Hàm lượngalachlor Alachlor content	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	KPH	0,05
35	7.9 Hàm lượng carbofuran Carbofuran content	µg/L	US EPA Method 8321B	KPH	1,0
36	7.10 Hàm lượng methoxychlor Methoxychlor content	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	KPH	0,05
37	7.11 Hàm lượng simazine Simazine content	µg/L	US EPA Method 8321B	KPH	0,3
38	7.12 Hàm lượng atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	-	US EPA Method 536	-	-
	+ Atrazine	µg/L		KPH	1,0
	+ Atrazine-desisopropyl	µg/L		KPH	1,0
	+ Atrazine-desethyl	µg/L		KPH	1,0
	+ Atrazine-desethyl- desisopropyl	µg/L		KPH	10
39	7.13 Hàm lượng axit monocloroaxetic Monochloroacetic acid content	µg/L	US EPA Method 552.3	KPH	5,0
	7.14 Hàm lượng axit dicloroaxetic Dichloroacetic acid content	µg/L	US EPA Method 552.3	KPH	5,0

1 Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2 Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3 Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4 Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5 Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses: info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6 Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-
06425AMT5/1/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

21/10/2025
 Trang/ Page 03 / 06

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
39	7.15 Hàm lượng axit trichloroaxetic Trichloroacetic acid content	µg/L	US EPA Method 552.3	< 5 (**)	2,0
40	7.16 Hàm lượng monocloramin Monochloramine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	KPH	0,02
41	7.17 Hàm lượng dichloromethane Dichloromethane content	µg/L	US EPA Method 8260D	KPH	2
42	7.18 Hàm lượng 1,2-dichloroetan 1,2-dichloroethane content	µg/L	US EPA Method 8260D	KPH	0,5
43	7.19 Hàm lượng 1,1,1-trichloroetan 1,1,1-trichloroethane content	µg/L	US EPA Method 8260D	KPH	0,5
44	7.20 Hàm lượng carbontetraclorua Carbontetrachloride content	µg/L	US EPA Method 8260D	KPH	0,5
45	7.21 Hàm lượng trichloroeten Trichloroethene content	µg/L	US EPA Method 8260D	KPH	0,5
46	7.22 Hàm lượng tetrachloroeten Tetrachloroethene content	µg/L	US EPA Method 8260D	KPH	0,5
47	7.23 Hàm lượng vinyl clorua Vinyl chloride content	µg/L	US EPA Method 8260D	KPH	0,1
48	7.24 Hàm lượng benzen Benzene content	µg/L	US EPA Method 8260D	KPH	0,5
49	7.25 Hàm lượng toluen Toluene content	µg/L	US EPA Method 8260D	KPH	0,5
50	7.26 Hàm lượng xylen Xylene content	µg/L	US EPA Method 8260D		-
	+ m+p-xylene	µg/L		KPH	1,0
	+ o-xylene	µg/L		KPH	0,5
51	7.27 Hàm lượng ethylbenzen Ethylbenzene content	µg/L	US EPA Method 8260D	KPH	0,5
52	7.28 Hàm lượng styren Styrene content	µg/L	US EPA Method 8260D	KPH	0,5
53	7.29 Hàm lượng 1,2-diclorobenzen 1,2-diclorobenzen content	µg/L	US EPA Method 8260D	KPH	0,5
54	7.30 Hàm lượng 1,2-dibromo-3 cloropropan 1,2-dibromo -3-chloropropan content	µg/L	US EPA Method 8260D	KPH	0,07

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet



KT3-
06425AMT5/1/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

21/10/2025
Trang/ Page 04 / 06

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
55	7.31 Hàm lượng 1,2-dicloropropan <i>1,2-dicloropropan content</i>	µg/L	US EPA Method 8260D	KPH	0,5
56	7.32 Hàm lượng bromoform <i>Bromoform content</i>	µg/L	US EPA Method 8260D	KPH	1,0
	7.33 Hàm lượng dibromochloromethane <i>Dibromochloromethane content</i>	µg/L	US EPA Method 8260D	KPH	1,0
	7.34 Hàm lượng bromodichloromethane <i>Bromodichloromethane content</i>	µg/L	US EPA Method 8260D	3,1	-
	7.35 Hàm lượng chloroform <i>Chloroform content</i>	µg/L	US EPA Method 8260D	32,6	-
57	7.36 Hàm lượng 2,4,5-T <i>2,4,5-T content</i>	µg/L	US EPA Method 8321B	KPH	1,0
58	7.37 Hàm lượng heptachlor <i>heptachlor content</i>	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	KPH	0,05
59	7.38 Hàm lượng heptachlor epoxide <i>Heptachlor epoxide content</i>	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	KPH	0,05
60	7.39 Hàm lượng hexachlorbenzen <i>Hexachlorbenzen content</i>	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	KPH	0,05
61	7.40 Hàm lượng lindan (γ-HCH) <i>Lindane content</i>	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	KPH	0,05
62	7.41 Hàm lượng hydrocarbon thơm đa vòng (PAH) (Benzo(a)pyrene) <i>Polycyclic aromatic hydrocarbon (Benzo(a)pyrene)</i>	µg/L	SMEWW 6440C:2023	KPH	0,2
63	7.42 Hàm lượng di (2- etylhexyl) adipate <i>Di (2- etylhexyl) adipate content</i>	µg/L	US EPA Method 506 & US EPA Method 625.1	KPH	50
64	7.43 Hàm lượng Di (2- etylhexyl) phthalate <i>Di (2- etylhexyl) phthalate content</i>	µg/L	US EPA Method 506 & US EPA Method 625.1	KPH	5,0
65	7.44 Hàm lượng thali (Tl) <i>Thallium content</i>	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH	0,01

1 Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product

2 Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu / Name of sample(s) and customer are written as customer's request

3 Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level

4 Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3

5 Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report

6 Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO IEC 17025:2017 (Vilas 004) Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận



KT3-
06425AMT5/1/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

21/10/2025
Trang/ Page 05 / 06

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
66 7.45	Hàm lượng polychlorinated biphenyls (PCBs) ⁽²⁾ Polychlorinated biphenyls content		QUATEST3 1047:2023 (Ref. US EPA 3510C & US EPA 8270E)		0,02
	+ PCB-18	µg/L		KPH	0,02
	+ PCB-28	µg/L		KPH	0,02
	+ PCB-31	µg/L		KPH	0,02
	+ PCB-44	µg/L		KPH	0,02
	+ PCB-52	µg/L		KPH	0,02
	+ PCB-101	µg/L		KPH	0,02
	+ PCB-138	µg/L		KPH	0,02
	+ PCB-118	µg/L		KPH	0,02
	+ PCB-149	µg/L		KPH	0,02
	+ PCB-153	µg/L		KPH	0,02
	+ PCB-170	µg/L		KPH	0,02
	+ PCB-180	µg/L		KPH	0,02
	+ PCB-194	µg/L		KPH	0,02
	+ PCB-209	µg/L		KPH	0,02

Ghi chú/ Notice:

(**): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra/ The result "<1 CFU" is considered "target organism not-detectable" in the volume of sample analysed

SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Waste water

TCVN: Tiêu Chuẩn Quốc Gia/ National standards

US EPA: United States Environmental Protection Agency

(**): Là giới hạn định lượng của phương pháp thử/ Limit of quantification of method (LOQ)

KPH: Không phát hiện/ Not detected



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-
06425AMT5/1/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

21/10/2025
Trang/ Page 06 / 06



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*



KT3 - 03213AVS5/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

14/10/2025

Page 01/02

- Tên mẫu
Name of sample : **NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT ĐÓNG CHAI**
(BOTTLED DRINKING WATER)
- Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Mẫu đựng trong chai nhựa./As received sample contained in plastic bottle
Xem trang/ See page 02/02
- Số lượng mẫu
Quantity : 01 (1,5 L)
- Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 08/10/2025
- Thời gian thử nghiệm : 09/10/2025 – 14/10/2025
Testing duration
- Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN**
SAIGON PURE WATER LIMITED LIABILITY COMPANY
683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, Thành phố Hồ Chí Minh
- Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, Heterotrophic plate count	CFU/mL SMEWW 9215B : 2023	< 1 ^(a)

Ghi chú/Notice: (a) Kết quả được biểu thị "<1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra./The result "<1 CFU" is considered "target organism not – detectable" in the volume of sample analysed.

SMEWW: Standard methods for the Examination of Water and Waste Water

TL. TRƯỞNG PTN CÔNG NGHỆ SINH HỌC
PP. HEAD OF BIOTECHNOLOGY TESTING LAB.

Vũ Diệu Thu
TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.

Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95% độ tin cậy

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95% confidence level

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin

Please contact QUATEST 3 at the email address: cs@quatest3.com.vn for further information about test report

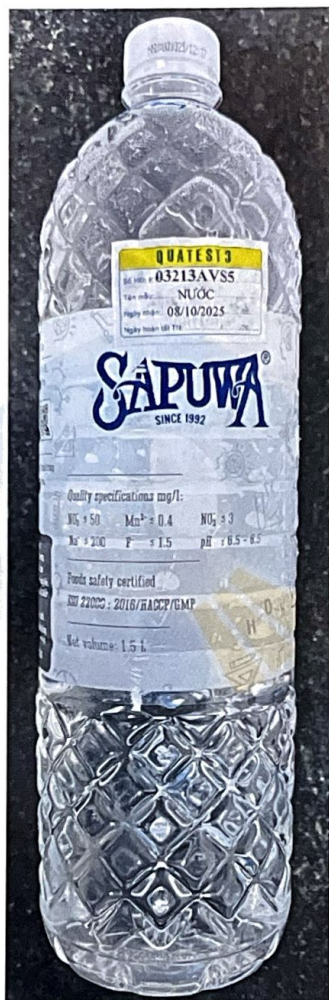
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (Bộ A) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet

KT3 - 03213AVS5/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

14/10/2025
Page 02/02



[Handwritten signature]

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

KT3 – 03213AVS5/1-2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

14/10/2025
Page 01/01

- Tên mẫu
Name of sample : NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT ĐÓNG CHAI
(BOTTLED DRINKING WATER)
- Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Mẫu đựng trong chai nhựa./ As received sample contained in plastic bottle
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 08/10/2025
- Thời gian thử nghiệm : 09/10/2025 – 14/10/2025
Testing duration
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN
SAIGON PURE WATER LIMITED LIABILITY COMPANY
683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, Thành phố Hồ Chí Minh
- Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Coliforms chịu nhiệt, Fecal Coliform	CFU/250 mL SMEWW 9222D : 2023	< 1 ^(a)

Ghi chú/Notice: (a) Kết quả được biểu thị “<1 CFU” được xem là “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu kiểm tra./The result “<1 CFU” is considered “target organism not – detectable” in the volume of sample analysed.

SMEWW: Standard methods for the Examination of Water and Waste Water

TL. TRƯỞNG PTN CÔNG NGHỆ SINH HỌC
PP. HEAD OF BIOTECHNOLOGY TESTING LAB.

Vũ Diệu Thu

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.



Phan Thanh Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu / Name of sample(s) and customer are written as customer's request
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2 at 95 % confidence level
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Client name (Tên khách hàng) : SAIGON PURE WATER LIMITED LIABILITY COMPANY/ CÔNG TY TNHH NƯỚC UÔNG TINH KHIẾT SÀI GÒN
Address (Địa chỉ) : 683 Quang Trung Street, Thong Tay Hoi Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam/ 683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : YC142120408
Information provided by Client : BOTTLED DRINKING WATER/ NƯỚC UÔNG ĐÓNG CHAI
(Thông tin được khách hàng cung cấp)
Sample description (Mô tả mẫu) : The samples are contained in sealed containers and intact sealed plastic bottles/ Mẫu được chứa trong bình kín và chai nhựa kín còn nguyên vẹn
Seal No (Số niêm) : Not applied/ Không niêm
Source of sample (Nguồn mẫu) : From client/ Khách hàng gửi mẫu
Sampling on (Ngày lấy mẫu) : -
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 20/09/2025
Sample tested on (Ngày phân tích) : 20/09/2025 - 03/10/2025
Report date (Ngày trả kết quả) : 10/12/2025

TESTING RESULTS/ KẾT QUẢ (See next page/ Xem trang sau)

Note / Ghi chú:

- (1) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.
- (1) Parameter is accredited ISO/IEC 17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025
- (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương
- (4) Parameter is designated by Ministry of Health / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế
- (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Environment / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<1.8;<3;<10: Not detected/ sample unit/ Không phát hiện/ đơn vị mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions. NHO only resolves complaints about analytical results within 7 days from the report date of results / Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO. NHO chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật



TRẦN VĂN MẠN

On behalf of NHO
Đại diện NHO



CÔNG TY
TNHH
CÔNG NGHỆ
NHONHO
PHUNG PHÚ - TP. CẦN THƠ

HOÀNG ĐỨC CÁT

NHONHO TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

- Ha Noi office: Km 11, National highway 21, Thach That district, Ha Noi city.
- HCM office: Van Dat tower, street 1, Tan Binh Industrial Park, Tan Phu district, HCM city.

- Can Tho office: K2 - 17, Vo Nguyen Giap street, Cai Rang district, Can Tho city.
- Lab address: K2 - 17, Vo Nguyen Giap street, Cai Rang district, Can Tho city.

Hotline: +84 901 339 669

Website: www.nhovn.com

Email: info@nhovn.com

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH



TESTING RESULTS/ KẾT QUẢ

Sample code/ Mã mẫu:

YC142120408/2

Sample name/ Tên mẫu:

Nước uống đóng chai

Information provided by Client/

BOTTLED DRINKING WATER/ NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI

(Thông tin được khách hàng cung cấp)

Testing Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Testing Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả
Beri (Be)	SMEWW 3030E, 3030F, 3125B:2023	mg/L	0.008	ND
Clorit (chlorite)	MKL-HH649 Tham khảo. EURL-SRM QuPpe-Method	mg/L	0.050	ND
Oxamyl ⁽¹⁾	MKL-HH607 Ref. EPA Method 538	µg/L	0.200	ND
Monochlorobenzene (Chlorobenzene) ⁽¹⁾	EPA Method 8260D (SW-846)	µg/L	1.00	ND
Endrin ⁽¹⁾	MKL-HH702 Ref. EPA Method 8270E (SW-846)	µg/L	0.010	ND
Chlordane-cis ⁽¹⁾	MKL-HH702 Ref. EPA Method 8270E (SW-846)	µg/L	0.030	ND
Chlordane-trans ⁽¹⁾	MKL-HH702 Ref. EPA Method 8270E (SW-846)	µg/L	0.030	ND
trans-1,2-Dichloroethylene ⁽¹⁾	EPA Method 8260D (SW-846)	µg/L	1.00	ND
1,1-Dichloroethylene ⁽¹⁾	EPA Method 8260D (SW-846)	µg/L	1.00	ND
1,4-Dichlorobenzene ⁽¹⁾	EPA Method 8260D (SW-846)	µg/L	1.00	ND
1,2,4-Trichlorobenzene ⁽¹⁾	EPA Method 8260D (SW-846)	µg/L	1.00	ND
1,2-Dibromoethane ⁽¹⁾	EPA Method 8260D (SW-846)	µg/L	1.00	ND
cis-1,2-Dichloroethylene	EPA Method 8260D (SW-846)	µg/L	1.00	ND
1,1,2-Trichloroethane ⁽¹⁾	EPA Method 8260D (SW-846)	µg/L	1.00	ND

Handwritten signature

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Client name (Tên khách hàng) : SAIGON PURE WATER LIMITED LIABILITY COMPANY/ CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN
Address (Địa chỉ) : 683 Quang Trung Street, Thong Tay Hoi Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam/ 683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : YC142120408
Information provided by Client (Thông tin được khách hàng cung cấp) : BOTTLED DRINKING WATER/ NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI
Sample description (Mô tả mẫu) : The samples are contained in sealed containers and intact sealed plastic bottles/ Mẫu được chứa trong bình kín và chai nhựa kín còn nguyên vẹn
Seal No (Số niêm) : Not applied/ Không niêm
Source of sample (Nguồn mẫu) : From client/ Khách hàng gửi mẫu
Sampling on (Ngày lấy mẫu) : -
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 20/09/2025
Sample tested on (Ngày phân tích) : 20/09/2025 - 03/10/2025
Report date (Ngày trả kết quả) : 10/12/2025

TESTING RESULTS/ KẾT QUẢ (See next page/ Xem trang sau)

Note / Ghi chú:

- (1) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.
- (1) Parameter is accredited ISO/IEC 17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025
- (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương
- (4) Parameter is designated by Ministry of Health / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế
- (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Environment / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<1.8;<3;<10: Not detected/ sample unit/ Không phát hiện/ đơn vị mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions. NHO only resolves complaints about analytical results within 7 days from the report date of results / Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO. NHO chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật



NGUYỄN THỊ THỦY TRANG

On behalf of NHO

Đại diện NHO



CÔNG TY
TNHH
CÔNG NGHỆ
NHONHO
PHUNG PHÚ - TP. CẦN THƠ
HOÀNG ĐỨC CÁT

NHONHO TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

- Ha Noi office: Km 11, National highway 21, Thanh That district, Ha Noi city.

- HCM office: Van Dat tower, street 1, Tan Binh Industrial Park, Tan Phu district, HCM city.

- Can Tho office: K2 - 17, Vo Nguyen Giap street, Cai Rang district, Can Tho city.

- Lab address: K2 - 17, Vo Nguyen Giap street, Cai Rang district, Can Tho city.

Hotline: +84 901 339 669

Website: www.nhovn.com

Email: info@nhovn.com



TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TESTING RESULTS/ KẾT QUẢ				
Sample code/ Mã mẫu:		YC142120408/2		
Sample name/ Tên mẫu:		Nước uống đóng chai		
Information provided by Client/ (Thông tin được khách hàng cung cấp)		BOTTLED DRINKING WATER/ NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI		
Testing Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Testing Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả
Detection of Cryptosporidium/ Phát hiện ký sinh trùng Cryptosporidium ^(*)	04.2-CL4/ST 3.141	/10L	/	ND

82

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Client name (Tên khách hàng) : SAIGON PURE WATER LIMITED LIABILITY COMPANY/ CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN
Address (Địa chỉ) : 683 Quang Trung Street, Thong Tay Hoi Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam/ 683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : YC142120408
Information provided by Client (Thông tin được khách hàng cung cấp) : BOTTLED DRINKING WATER/ NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI
Sample description (Mô tả mẫu) : The samples are contained in sealed containers and intact sealed plastic bottles/ Mẫu được chứa trong bình kín và chai nhựa kín còn nguyên vẹn
Seal No (Số niêm) : Not applied/ Không niêm
Source of sample (Nguồn mẫu) : From client/ Khách hàng gửi mẫu
Sampling on (Ngày lấy mẫu) : -
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 20/09/2025
Sample tested on (Ngày phân tích) : 20/09/2025 - 03/10/2025
Report date (Ngày trả kết quả) : 10/12/2025

TESTING RESULTS/ KẾT QUẢ (See next page/ Xem trang sau)

Note / Ghi chú:

- (1) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.
- (1) Parameter is accredited ISO/IEC 17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025
- (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương
- (4) Parameter is designated by Ministry of Health / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế
- (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Environment / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<1.8;<3;<10: Not detected/ sample unit/ Không phát hiện/ đơn vị mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions. NHO only resolves complaints about analytical results within 7 days from the report date of results / Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO. NHO chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật



NGUYỄN THỊ THÙY TRANG

On behalf of NHO

Đại diện NHO



HOÀNG ĐỨC CÁT



TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH



TESTING RESULTS/ KẾT QUẢ				
Sample code/ Mã mẫu:		YC142120408/2		
Sample name/ Tên mẫu:		Nước uống đóng chai		
Information provided by Client/ (Thông tin được khách hàng cung cấp)		BOTTLED DRINKING WATER/ NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI		
Testing Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Testing Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả
Detection of Giardia/ Phát hiện ký sinh trùng Giardia ^(*)	04.2-CL4/ST 3.141	/10L	/	ND

83

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Client name (Tên khách hàng) : SAIGON PURE WATER LIMITED LIABILITY COMPANY/ CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN

Address (Địa chỉ) : 683 Quang Trung Street, Thong Tay Hoi Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam/ 683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : YC142120408

Information provided by Client (Thông tin được khách hàng cung cấp) : BOTTLED DRINKING WATER/ NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI

Sample description (Mô tả mẫu) : The samples are contained in sealed containers and intact sealed plastic bottles/ Mẫu được chứa trong bình kín và chai nhựa kín còn nguyên vẹn

Seal No (Số niêm) : Not applied/ Không niêm

Source of sample (Nguồn mẫu) : From client/ Khách hàng gửi mẫu

Sampling on (Ngày lấy mẫu) : -

Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 20/09/2025

Sample tested on (Ngày phân tích) : 20/09/2025 - 03/10/2025

Report date (Ngày trả kết quả) : 10/12/2025

TESTING RESULTS/ KẾT QUẢ (See next page/ Xem trang sau)

Note / Ghi chú:

- (1) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.
- (1) Parameter is accredited ISO/IEC 17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025
- (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương
- (4) Parameter is designated by Ministry of Health / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế
- (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Environment / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<1.8;<3;<10: Not detected/ sample unit/ Không phát hiện/ đơn vị mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions. NHO only resolves complaints about analytical results within 7 days from the report date of results / Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO. NHO chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật



NGUYỄN THỊ THÙY TRANG

On behalf of NHO

Đại diện NHO



HOÀNG ĐỨC CÁT

NHONHO TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

- Ha Noi office: Km 11, National highway 21, Thach That district, Ha Noi city.

- HCM office: Van Dat tower, street 1, Tan Binh Industrial Park, Tan Phu district, HCM city.

- Can Tho office: K2 - 17, Vo Nguyen Giap street, Cai Rang district, Can Tho city.

- Lab.address: K2 - 17, Vo Nguyen Giap street, Cai Rang district, Can Tho city.

Hotline: +84 901 339 669

Website: www.nhovn.com

Email: info@nhovn.com



TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

TESTING RESULTS/ KẾT QUẢ				
Sample code/ Mã mẫu		YC142120408/2		
Sample name/ Tên mẫu:		Nước uống đóng chai		
Information provided by Client/ (Thông tin được khách hàng cung cấp)		BOTTLED DRINKING WATER/ NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI		
Testing Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Testing Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả
Legionella spp ^(*)	ISO 11731:2017	CFU/100ml	/	<1

84

TEST REPORT

Our Reference No. : **R250 9225**

Project Code / Ref. : -

Date Received : 29/09/2025

Date Commenced : 29/09/2025

Date Reported : 14/10/2025

Customer Ref.No : -

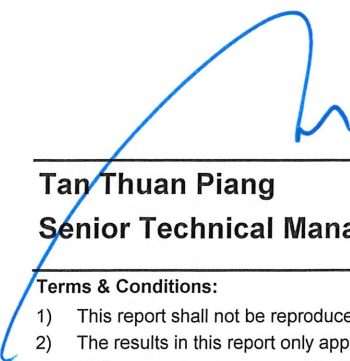
Customer Address : Saigon Pure Water LLC, Sapuwa Vietnam

Customer Name : No 683 Quang Trung Street, ward 11, Go Vap district
Ho Chi Minh City, Vietnam

Attention To : Ms Nguyen Thi Ha

Sample Description : 2 Water samples as per received.

RESULTS : Refer on Page 2



Tan Thuan Piang
Senior Technical Manager

Terms & Conditions:

- 1) This report shall not be reproduced except in full, unless approval in writing has been given by MLS.
- 2) The results in this report only apply to the sample received/analysed.
- 3) MLS agrees to use reasonable diligence in the performance of the service.

Marchwood Laboratory Services Pte Ltd:

Main (Office and Laboratory):

Branch (Site and Laboratory):

Website:

Co. Reg No. : 201422686C

116 Tuas South Ave 2, West Point Bizhub Singapore 637163

216 Tuas South Ave 2, West Point Bizhub Singapore 637213

www.mls.sg

 : +65 6790 0118

 : +65 6262 3736 (Lab)

 : +65 6790 0091

 : +65 6262 3726 / 3776 (Site)

R250 9225

RESULTS:

85
86
87

Test Parameters	Unit	Test Method	Tap Water Sample	Bottled Drinking Water	Detection Limit	Maximum Contaminant Level
Asbestos*	Fibres	By filtration/drying/SEM	ND	ND	-	7MFL
Enteroviruses*	pfu/sample	SCA Blue Book Method	ND	ND	1	99.9% removal
Hexachlorocyclopentadiene	mg/L	USEPA 8270E (Jun 2018)	ND	ND	0.004	0.05

Note:

1. LOR = Limit of Reporting.
2. "ND" = Not detected. The data reported is less than the LOR.
- 3.* = The above test were subcontracted to External UK Laboratory.



CASE-SMQ

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

HO CHI MINH CITY DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM

VÀ TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CENTER OF ANALYTICAL SERVICES, EXPERIMENTATION

AND STANDARDS, METROLOGY, QUALITY OF HO CHI MINH CITY

VIMCERTS
147Mã số mẫu/ Sample code
BN12509.23111401
MM12509.231114012**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**
TEST REPORT

Ngày/ Date: 27/10/2025

Tên khách hàng/ Customer

: SAIGON PURE WATER LIMITED LIABILITY COMPANY

Địa chỉ/ Address

: 683 QUANG TRUNG, THONG TAY HOI WARD, HO CHI MINH CITY, VIETNAM

Tên mẫu/ Name of sample

: BOTTLED DRINKING WATER

Số lượng/ Quantity

: 1

Mô tả mẫu/ Sample description

: Sample contained in plastic bottle

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving

: Sep 23, 2025

Ngày hẹn trả KH/ Date of issue

: Oct 24, 2025

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Endothall	mg/L	Not detected, MDL = 0.01	CASE.SK.0142 (2018)
2	Dioxin		See attachment	CASE.NC.0018 (2021) (Ref. EPA Method 1613B) (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.

MDL Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm/

Officer in charge of laboratory

Nguyễn Hoàng Ngọc Hân

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR



Nguyễn Đức Tuấn

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE - SMQ.

No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE - SMQ.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM / TEST REPORT

BN12509.23111401/ MM12509.231114012

STT No	CÁC ĐỒNG LOẠI COMPOUNDS	KẾT QUẢ/RESULT pg/l	TEF WHO-2005	KẾT QUẢ/RESULT pg-TEQ/l	MDL pg-TEQ/l
1	2378-TCDF	KPH/ND	0.1000	KPH/ND	0.050
2	12378-PeCDF	KPH/ND	0.0300	KPH/ND	0.075
3	23478-PeCDF	KPH/ND	0.3000	KPH/ND	0.750
4	123478-HxCDF	KPH/ND	0.1000	KPH/ND	0.250
5	123678-HxCDF	KPH/ND	0.1000	KPH/ND	0.250
6	234678-HxCDF	KPH/ND	0.1000	KPH/ND	0.250
7	123789-HxCDF	KPH/ND	0.1000	KPH/ND	0.250
8	1234678-HpCDF	KPH/ND	0.0100	KPH/ND	0.025
9	1234789-HpCDF	KPH/ND	0.0100	KPH/ND	0.025
10	OCDF	KPH/ND	0.0003	KPH/ND	0.002
11	2378-TCDD	KPH/ND	1.0000	KPH/ND	0.500
12	12378-PeCDD	KPH/ND	1.0000	KPH/ND	2.500
13	123478-HxCDD	KPH/ND	0.1000	KPH/ND	0.250
14	123678-HxCDD	KPH/ND	0.1000	KPH/ND	0.250
15	123789-HxCDD	KPH/ND	0.1000	KPH/ND	0.250
16	1234678-HpCDD	KPH/ND	0.0100	KPH/ND	0.025
17	OCDD	KPH/ND	0.0003	KPH/ND	0.002
	TỔNG				5.704

KPH/ND : Không phát hiện / *Not Detected*.
 TEF : Hệ số độ độc tương ứng / *Toxicity Equivalency Factors*.
 TEQ : Hàm lượng độc tương ứng / *Toxicity Equivalency Quantity*.
 MDL : Giới hạn phát hiện của phương pháp / *Method Detection Limit*.

Kết quả / Result:

Không phát hiện, Tổng MDL = 5,704 pg-TEQ/l

*Not detected, Total MDL = 5.704 pg-TEQ/l***-- KẾT THÚC / FINISH --**

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ / THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng / The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE - SMQ.

No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE - SMQ.

KT3-07858AMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

18/11/2025
Trang/ Page 01 / 04

- Tên mẫu
Name of sample : NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI
(BOTTLED DRINKING WATER)
Thời gian lấy mẫu/ *Sampling date*: 10h30 - 07/11/2025
- Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
 - Dạng mẫu: lỏng;
Form: the liquid;
 - Nhãn hiệu: SAPUWA;
Label: SAPUWA;
 - Số đơn vị/mẫu: 330 mL x 24;
Unit/sample: 330 mL x 24;
 - Dụng cụ chứa: chai nhựa;
Container: plastic bottle;
 - Chụp hình mẫu: xem hình kèm theo;
Picture: see attached image;
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 07/11/2025
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 07/11/2025 – 18/11/2025
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN/
SAIGON PURE WATER LIMITED LIABILITY COMPANY
683 QUANG TRUNG, PHƯỜNG THÔNG TÂY HỘI, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
- Kết quả thử nghiệm
Testing results : Xem trang tiếp theo / *See next page*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL TESTING LAB

Nguyễn Hoàng Linh

TL. GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*



KT3-07858AMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

18/11/2025
Trang / Page 02 / 04

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 06-1:2010/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.1	Hàm lượng nitrit (NO_2^-) Nitrite content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	3	KPH	0,02
7.2	Hàm lượng nitrat (NO_3^-) Nitrate content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	50	0,8	-
7.3	Hàm lượng tổng clo (Cl_2) Total chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	5	KPH	0,02
7.4	Hàm lượng florua (F^-) Fluoride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	1,5	KPH	0,03
7.5	Hàm lượng cyanua tổng (CN^-) Cyanide content	mg/L	TCVN 6181:1996	0,07	KPH	0,005
7.6	Hàm lượng bo (B) Boron content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,5	< 0,02 (**)	0,01
7.7	Hàm lượng bari (Ba) Barium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,7	KPH	0,01
7.8	Hàm lượng mangan (Mn) Manganese content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,4	KPH	0,01
7.9	Hàm lượng đồng (Cu) Copper content	mg/L	US EPA Method 200.8	2	KPH	0,01
7.10	Hàm lượng cadimi (Cd) Cadmium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,003	KPH	0,0005
7.11	Hàm lượng niken (Ni) Nickel content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,07	KPH	0,003
7.12	Hàm lượng chì (Pb) Lead content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,01	KPH	0,003
7.13	Hàm lượng crôm (Cr) Chromium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,05	KPH	0,003
7.14	Hàm lượng selen (Se) Selenium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,01	KPH	0,003
7.15	Hàm lượng molybden (Mo) Molybdenum content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,07	KPH	0,003

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-07858AMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

18/11/2025

Trang/ Page 03 / 04

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 06-1:2010/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.16	Hàm lượng antimon (Sb) Antimony content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,02	KPH	0,003
7.17	Hàm lượng thủy ngân (Hg) Mercury content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,006	KPH	0,0002
7.18	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,01	KPH	0,0005
7.19	Hàm lượng bromat (BrO ₃ ⁻) Bromate content	mg/L	SMEWW 4110 D:2023	0,01	KPH	0,004
7.20	Hàm lượng clorate (ClO ₃ ⁻) Clorate content	mg/L	SMEWW 4110 D:2023	0,7	KPH	0,01
7.21	Hàm lượng clorit (ClO ₂ ⁻) Clorite content	mg/L	SMEWW 4110 D:2023	0,7	KPH	0,01
7.22	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng Gross alpha Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	0,5	KPH	0,02
7.23	Hoạt độ phóng xạ beta tổng Gross beta Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	1	KPH	0,2

Ghi chú/ Notice:

SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Waste water

TCVN: Tiêu Chuẩn Quốc Gia/ National standards

US EPA: United States Environmental Protection Agency

QCVN 06-1:2010/BYT : Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai/ National technical regulation for bottled/package natural mineral waters and drinking waters

(**): Là giới hạn định lượng của phương pháp thử/ Limit of quantification of method (LOQ)

KPH: Không phát hiện/ Not detected



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-07858AMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

18/11/2025
Trang/ Page 04 / 04



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*



KT3-07858AMT5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

18/11/2025

Trang/ Page 01 / 03

- Tên mẫu
Name of sample : NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI
(BOTTLED DRINKING WATER)
Thời gian lấy mẫu/ *Sampling date*: 10h30 - 07/11/2025
- Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
 - Dạng mẫu: lỏng;
Form: the liquid;
 - Nhãn hiệu: BOTTLED ;
Label: BOTTLED ;
 - Số đơn vị/mẫu: 330 mL x 24;
Unit/sample: 330 mL x 24;
 - Dụng cụ chứa: chai nhựa;
Container: plastic bottle;
 - Chụp hình mẫu: xem hình kèm theo;
Picture: see attached image;
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 07/11/2025
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 07/11/2025 – 18/11/2025
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN/
SAIGON PURE WATER LIMITED LIABILITY COMPANY
683 QUANG TRUNG, PHƯỜNG THÔNG TÂY HỢI, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
- Kết quả thử nghiệm
Testing results : Xem trang tiếp theo / *See next page*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL TESTING LAB



Nguyễn Hoàng Linh

TL. GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phản bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

BM105.02.VIL (HL: 07/07/2025)



KT3-07858AMT5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

18/11/2025
Trang/ Page 03 / 03



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-07858AMT5/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

18/11/2025

Trang/ Page 01 / 02

- Tên mẫu
Name of sample : NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI
(BOTTLED DRINKING WATER)
Thời gian lấy mẫu/ Sampling date: 10h30 - 07/11/2025
- Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng;
Form: the liquid;
- Nhãn hiệu: BOTTLED ;
Label: BOTTLED ;
- Số đơn vị/mẫu: 330 mL x 24;
Unit/sample: 330 mL x 24;
- Dụng cụ chứa: chai nhựa;
Container: plastic bottle;
- Chụp hình mẫu: xem hình kèm theo;
Picture: see attached image;
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 07/11/2025
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 07/11/2025 – 18/11/2025
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TỈNH KHIẾT SÀI GÒN/
SAIGON PURE WATER LIMITED LIABILITY COMPANY
683 QUANG TRUNG, PHƯỜNG THÔNG TÂY HỘI, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
- Kết quả thử nghiệm
Testing results : Xem trang tiếp theo / See next page

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL TESTING LAB

Nguyễn Hoàng Linh

TL. GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bổ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-07858AMT5/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

18/11/2025

Trang/ Page 02 / 02

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1	Độ pH (tại 25 °C) pH value (at 25 °C)	-	TCVN 6492:2011	7,0

Ghi chú/ Notice:

TCVN: Tiêu Chuẩn Quốc Gia/ National standards



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-07858AMT5/4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

18/11/2025
Trang/ Page 01 / 02

- Tên mẫu
Name of sample : **NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI**
(BOTTLED DRINKING WATER)
Thời gian lấy mẫu/ *Sampling date*: 10h30 - 07/11/2025
- Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng;
Form: the liquid;
- Nhãn hiệu: BOTTLED ;
Label: BOTTLED ;
- Số đơn vị/mẫu: 330 mL x 24;
Unit/sample: 330 mL x 24;
- Dụng cụ chứa: chai nhựa;
Container: plastic bottle;
- Chụp hình mẫu: xem hình kèm theo;
Picture: see attached image;
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 07/11/2025
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 07/11/2025 – 18/11/2025
- Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN/**
SAIGON PURE WATER LIMITED LIABILITY COMPANY
683 QUANG TRUNG, PHƯỜNG THÔNG TÂY HỢI, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
- Kết quả thử nghiệm
Testing results : Xem trang tiếp theo / *See next page*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL TESTING LAB

Nguyễn Hoàng Linh

TL. GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản bổ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*



KT3-07858AMT5/4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

18/11/2025

Trang/ Page 02 / 02

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) Total dissolved solids content	mg/L	SMEWW 2540C:2023	84,5

Ghi chú/ Notice:

SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Waste water



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-07858AMT5/5

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

18/11/2025
Trang/ Page 01 / 02

- Tên mẫu
Name of sample : NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI
(BOTTLED DRINKING WATER)
Thời gian lấy mẫu/ *Sampling date*: 10h30 - 07/11/2025
- Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng;
Form: the liquid;
- Nhãn hiệu: BOTTLED ;
Label: BOTTLED ;
- Số đơn vị/mẫu: 330 mL x 24;
Unit/sample: 330 mL x 24;
- Dụng cụ chứa: chai nhựa;
Container: plastic bottle;
- Chụp hình mẫu: xem hình kèm theo;
Picture: see attached image;
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 07/11/2025
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 07/11/2025 – 18/11/2025
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN/
SAIGON PURE WATER LIMITED LIABILITY COMPANY
683 QUANG TRUNG, PHƯỜNG THÔNG TÂY HỘI, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
- Kết quả thử nghiệm
Testing results : Xem trang tiếp theo / *See next page*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL TESTING LAB



Nguyễn Hoàng Linh

TL. GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB



Phan Thanh Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phản bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

BM105.02.VIL (HL: 07/07/2025)



KT3-07858AMT5/5

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

18/11/2025
Trang/ Page 02 / 02

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1	Hàm lượng natri (Na) Sodium content	mg/L	SMEWW 3111B:2023	33,2

Ghi chú/ Notice:

SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Waste water



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



Q326A001057
(MTTN26000127.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

19/01/2026

Trang/ Page: 1/4

- Tên mẫu
Name of sample : **NƯỚC UỐNG ĐÓNG BÌNH**
Thời gian lấy mẫu/ Sampling date: 06/01/2026
- Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: bình nhựa (18,9 L) / Container: plastic bottle (18,9 L)
- Số đơn vị/mẫu: 18,9 L / Unit/sample: 18,9 L
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 06/01/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 06/01/2026 - 19/01/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN**
SaiGon Pure Water Limited Liability Company
683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, TP Hồ Chí Minh
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENT LAB

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR


Nguyễn Hoàng Linh




Phan Thanh Trung

1 Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only and this is not a certificate of product

2 Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu - Name of sample(s) and customer are written as customer's request

3 Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level

4 Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3

5 Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report

6 Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet

Q326A001057
(MTTN26000127.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

19/01/2026

Trang/ Page: 2/4

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Hàm lượng stibi (Sb) Antimoni content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,005	0,02
7.2	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,01
7.3	Hàm lượng bari (Ba) Barium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	0,7
7.4	Hàm lượng bo (B) Boron content	mg/L	US EPA 200.8	< 0,02 (***)	0,01	0,5
7.5	Hàm lượng bromat (BrO ₃ ⁻) Bromate content	mg/L	SMEWW 4110D:2023	KPH	0,004	0,01
7.6	Hàm lượng cadimi (Cd) Cadmium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,003
7.7	Hàm lượng tổng clo (Cl ₂) Total chlorine content	mg/L	TCVN 6225- 2:2021	KPH	0,02	5
7.8	Hàm lượng clorate (ClO ₃ ⁻) Clorate content	mg/L	SMEWW 4110D:2023	KPH	0,01	0,7
7.9	Hàm lượng clorit (ClO ₂ ⁻) Clorite content	mg/L	SMEWW 4110D:2023	KPH	0,01	0,7
7.10	Hàm lượng crom (Cr) Chromium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,05
7.11	Hàm lượng đồng (Cu) Copper content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	2
7.12	Hàm lượng Cyanid (CN ⁻) Cyanide content	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH	0,005	0,07
7.13	Hàm lượng Fluorid (F ⁻) Fluoride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,03	1,5

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. 01/01/2026 giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the sample(s) submitted only and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326A001057
(MTTN26000127.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

19/01/2026

Trang/ Page: 3/4

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.14	Hàm lượng chì (Pb) Lead content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,01
7.15	Hàm lượng mangan (Mn) Manganese content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,01	0,4
7.16	Hàm lượng thủy ngân (Hg) Mercury content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0002	0,006
7.17	Hàm lượng molybden (Mo) Molybdenum content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,07
7.18	Hàm lượng niken (Ni) Nikel content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,07
7.19	Hàm lượng nitrat (NO ₃ ⁻) Nitrate content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	0,6	-	50
7.20	Hàm lượng nitrit (NO ₂ ⁻) Nitrite content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	KPH	0,02	3
7.21	Hàm lượng Selen (Se) Selenium content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,003	0,01
7.22	Hoạt độ phóng xạ beta tổng Gross beta Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,2	1
7.23	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng Gross alpha Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,02	0,5
7.24	Escherichia coli Escherichia coli	CFU/250 mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 (a)	-	(B)

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bổ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326A001057
(MTTN26000127.01)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

19/01/2026

Trang/ Page: 4/4

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.25	Coliforms Coliforms	CFU/ 250mL	ISO 9308- 1:2014/Amd 1:2016	< 1 (a)	-	(A)
7.26	Enterococci (Streptococci faecal)	CFU/ 250mL	ISO 7899- 2:2000 (QCVN 06- 1:2010/BYT)	< 1 (a)	-	(A)
7.27	Pseudomonas aeruginosa Pseudomonas aeruginosa	CFU/ 250mL	ISO 16266:2006	< 1 (a)	-	(A)
7.28	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit (Clostridia) Sulfite - reducing anaerobes	CFU/ 50mL	ISO 6461- 2:1986	< 1 (a)	-	(A)

Ghi chú / Notes:

(a): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra/ The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the volume of sample analysed.

(A) Nếu số vi khuẩn (bào tử) ≥ 1 và ≤ 2 thì tiến hành kiểm tra lần thứ hai, nếu số vi khuẩn (bào tử) > 2 thì loại bỏ; (B) Không phát hiện được trong bất kỳ mẫu nào./ (A) If bacteria number ≥ 1 and ≤ 2 (spore) doing the second test, > 2 rejecting the sample; B) Not detected in any sample.

- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard

- US EPA: United States Environmental Protection Agency

- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater

- KPH: Không phát hiện / Not detected

- (***): Giới hạn định lượng của phương pháp thử (LOQ) / Limit of quantification of method

QCVN 06-1:2010/BYT : Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai/ National technical regulation for bottled/package natural mineral waters and drinking waters

1 Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2 Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3 Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level

4 Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3

5 Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .

6 Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326A001057
(MTTN26000127.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

19/01/2026

Trang/ Page: 1/2

- Tên mẫu
Name of sample : **NƯỚC UỐNG ĐÓNG BÌNH**
Thời gian lấy mẫu/ Sampling date: 06/01/2026
- Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: bình nhựa (18,9 L) / Container: plastic bottle (18,9 L)
- Số đơn vị/mẫu: 18,9 L / Unit/sample: 18,9 L
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 06/01/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 06/01/2026 - 19/01/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN**
SaiGon Pure Water Limited Liability Company
683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, TP Hồ Chí Minh
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIROMENT LAB



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

Q326A001057
 (MTTN26000127.02)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

19/01/2026
 Trang/ Page: 2/2

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result
7.1	Độ pH pH value	-	TCVN 6492:2011	7,1
7.2	Hàm lượng Natri (Na) Sodium content	mg/L	SMEWW 3111B:2023	15,7

Ghi chú / Notes:

- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.